

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ LONG KHÁNH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 28/02/2023

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

2/ Ông Phạm Quốc Thân

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Phi Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Trần Huỳnh Như Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 596/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022, về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2023/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Đài Tr, sinh năm 1991. Địa chỉ: Ấp LS, xã QT, huyện N, tỉnh Đồng Nai.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Thành T, sinh năm 1990. Nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 22, khu phố ST, phường ST, thành phố K, tỉnh Đồng Nai. Hiện nay đang bị tạm giam tại: Trại giam Châu Bình, thuộc Cục C10 Bộ Công an; địa chỉ: huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

(Nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30 tháng 9 năm 2022 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Đài Tr trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Thành T chung sống với nhau từ năm 2018, có đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 5 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã

Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Hôn nhân là tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Sau khi kết hôn, vợ chồng cùng nhau sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Cuộc sống hôn nhân thời gian đầu hạnh phúc nhưng đến tháng 05/2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm về lối sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, hôn nhân không còn hạnh phúc. Đến tháng 4 năm 2021 vợ chồng không còn sống chung với nhau, anh T về Long Khánh sống và làm việc còn chị vẫn ở tại Thành phố Hồ Chí Minh cho đến tháng 11/2021 mới về Thống Nhất sinh sống cho đến nay. Trong thời gian không sống chung, vợ chồng chỉ gặp nhau vài lần, vợ chồng mạnh ai nấy sống và anh T làm gì, sống như thế nào chị không hay biết. Khoảng từ cuối năm 2021 cho tới khoảng tháng 5 năm 2022, chị mất liên lạc với anh T và sau đó nhận được thông báo của Công an thành phố Long Khánh về việc anh T bị Công an quận Bình Tân bắt giam về hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và Công an thành phố Long Khánh đang điều tra về hành vi “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” của anh T. Do không biết thông tin cụ thể anh T đang bị tạm giam ở đâu nên chị chưa đi thăm nuôi anh T lần nào. Đến tháng 10/2022, anh T có nhờ người gọi điện thông báo cho chị biết anh đang bị tạm giam tại Trại giam Bó Lá thuộc tỉnh Bình Dương và chị cùng cha ruột của chị đến xin thăm gặp nhưng không được gia đình anh T đồng ý. Nay chị Tr nhận thấy hôn nhân không đạt được mục đích khi anh chị không còn sống chung, không quan tâm, chia sẻ và cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình nên yêu cầu Tòa án sớm giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Chị Tr khai vợ chồng không có tài sản chung, không cho ai mượn nợ và cũng không nợ ai.

** Tại đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 12/01/2023, bị đơn anh Nguyễn Thành T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Đài Tr sau một thời gian quen biết, tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân. Ngày 19/5/2018, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Cuộc sống hôn nhân hạnh phúc và vợ chồng chỉ không gặp nhau khoảng 01 năm nay vì anh phải chấp hành án. Nguyên nhân mâu thuẫn mà chị Tr nêu ra là không đúng, không chính xác. Do còn tình cảm với chị Tr nên anh T không đồng ý ly hôn.

- Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án gồm:* Đơn khởi kiện; bản sao căn cước công dân Nguyễn Thị Đài Tr, bản sao sổ hộ khẩu hộ ông Nguyễn Văn Tường; bản chính giấy chứng nhận kết hôn; biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án (liên 2); báo cáo đề xuất, sổ thăm gặp (photo); bản tự khai; bản án số 179/2022/HS-ST ngày 14/9/2022 của TAND quận Bình Tân, Thành phố

Hồ Chí Minh (photo có đối chiếu bản chính); Cáo trạng số 102/CTVKS-LK ngày 24/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh (photo có đối chiếu bản chính); đơn xin xét xử vắng mặt.

** Các tài liệu, chứng cứ bị đơn đã giao nộp cho Tòa án gồm:* Đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt ngày 12/01/2023 (bản chính).

** Các chứng cứ do Tòa án thu thập được:* Biên bản lấy lời khai chị Nguyễn Thị Đài Tr; Biên bản xác minh của Tòa án nhân dân huyện Bô Lă, tỉnh Bình Dương ngày 16/01/2022.

** Quá trình giải quyết vụ án:* Bị đơn là anh Nguyễn Thành T có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt với lý do phải chấp hành án tại Trại giam Châu Bình nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai phát biểu quan điểm:*

- Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được thực hiện đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt các bên đương sự.

- Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đài Tr và anh Nguyễn Thành T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký ký hôn vào năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, anh T phải chấp hành án phạt tù nên không thể thực hiện nghĩa vụ của người chồng đối với chị Tr. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Căn cứ Điều 21, 262 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đài Tr.

Về con chung: Không có nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không xem xét.

Nợ chung: Không xem xét.

Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Đài Tr có yêu cầu ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Thành T nên xác định tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp về ly hôn”; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định, bị đơn anh Nguyễn Thành T có nơi cư trú tại tổ 22, khu phố Suối Tre, phường Suối Tre, thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bị đơn đang chấp hành án phạt tù tại trại giam nên vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt nên vụ án không tiến hành hòa giải được. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đài Tr và anh Nguyễn Thành T tiến tới hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai vào ngày 19/5/2018 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đài Tr, Hội đồng xét xử nhận thấy: Theo lời khai của chị Tr, sau khi kết hôn vợ chồng anh chị sống chung với nhau tại Thành phố Hồ Chí Minh, thời gian đầu hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm về lối sống, vợ chồng không còn sống chung với nhau từ tháng 4/2021 cho đến nay. Từ tháng 4 năm 2021, anh T về Long Khánh sinh sống, làm việc trong khi chị vẫn ở lại Thành phố Hồ Chí Minh cho đến tháng 11/2021. Tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thể hiện, anh Nguyễn Thành T làm việc tại Bưu cục Long Khánh từ tháng 5 năm 2021 nên lời khai của chị Tr về thời gian anh T về sống tại Long Khánh là phù hợp, có căn cứ. Mặc dù anh T không thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, không đồng ý ly hôn chị Tr, tuy nhiên việc anh T vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 09 năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, trong thời gian anh T bị tạm giam, chị Tr không thăm nuôi và khi chị Tr muốn vào thăm anh T tại Trại giam Bó Lá thì gia đình anh T cũng không đồng ý cho chị Tr vào thăm nuôi, cho thấy vợ chồng có mâu thuẫn. Từ khi anh T bị bắt tạm giữ, tạm giam đến nay đã hơn 01 năm, vợ chồng không gặp nhau và không có điều kiện để quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ những niềm vui, nỗi buồn trong cuộc sống và thực hiện các quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Bản thân chị Tr xác nhận, tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được và mong muốn sớm được ly hôn với anh Nguyễn Thành T.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân phải được xây dựng trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có sự quan tâm, vun đắp hạnh phúc, làm tròn quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Tuy nhiên, quan hệ hôn nhân giữa chị Tr và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng đã không còn chung sống với

nhau trong thời gian dài, việc anh T vi phạm pháp luật, phải chấp hành án phạt tù nên không thể thực hiện quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng đối với nhau. Như vậy, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Tr mong muốn chấm dứt mối quan hệ hôn nhân nên việc chị Tr yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thành T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Đài Tr và anh Nguyễn Thành T khai không có con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Đài Tr và anh Nguyễn Thành T khai vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đài Tr là người khởi kiện ly hôn nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[5] Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát: Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh về đường lối giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 19; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị Đài Tr.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đài Tr được ly hôn với anh Nguyễn Thành Nhân.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đài Tr phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Tr đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006146 ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai, thành án phí. Chị Tr đã nộp đủ tiền án phí.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND T.ĐN;
- VKSND TPLK;
- Chi cục THADS TPLK;
- UBND xã QT, N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đồng Thị Hương